

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 30-6-2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương; Ông Lương Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Thảo A Sùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị M**, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Bản Na S, xã Mường L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Lò Văn H**, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Bản Na S, xã Mường L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2023, biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quàng Thị M trình bày:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Quàng Thị M và anh Lò Văn H tự nguyện sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 theo phong tục tập quán người dân tộc Thái, có tổ chức đám cưới, nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ khi về chung sống với nhau, thời gian đầu hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Nhưng đến đầu năm 2009 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H nghiện chất ma túy, dẫn đến bất đồng quan điểm

sống, không ai quan tâm đến ai, từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung. Chị M và anh H đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị M không còn tình cảm với anh H nữa đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

[2]. *Về con chung, con riêng*: Chị Quàng Thị M và anh Lò Văn H quá trình sống chung hai người có 02 con chung là cháu Lò Thị B, sinh ngày 18/11/2004 và cháu Lò Thị B, sinh ngày 07/10/2006. Cháu Lò Thị B đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lò Thị B, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. *Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ*: Đối với cháu Lò Thị B đã đủ 18 tuổi và cháu đã có lời khai thể hiện cháu đã trưởng thành tự chăm sóc được bản thân. Còn cháu Lò Thị B có đơn nguyện vọng gửi đến Tòa án thể hiện nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ do mẹ là người nuôi dưỡng chăm sóc cháu từ nhỏ.

* *Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời ngày 08/5/2023, bị đơn anh Lò Văn H trình bày*:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Quàng Thị M tự nguyện sống với nhau từ năm 2003 theo phong tục tập quán, có tổ chức đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Từ khi chung sống với nhau, thời gian đầu hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Nhưng đến đầu năm 2009 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H nghiện chất ma túy, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm đến ai, từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung. Chị M và anh H đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị M xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M, vì hiện tại tình cảm của vợ chồng cũng không còn. Anh cũng muốn ly hôn để vợ chồng giải thoát cho nhau.

[2]. *Về con chung, con riêng*: Anh và chị Quàng Thị M quá trình sống chung hai người có 02 con chung là cháu Lò Thị B, sinh ngày 18/11/2004 và cháu Lò Thị B, sinh ngày 07/10/2006. Cháu Lò Thị B đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lò Thị B, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, anh đồng ý. Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. *Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng quy định; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không có mặt theo sự triệu tập của Tòa án tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 53; Điều 58; Khoản 1 Điều 81; Khoản 1 Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quảng Thị M và anh Lò Văn H. Giao cháu Lò Thị B cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quảng Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về thủ tục thụ lý yêu cầu của nguyên đơn:* Ngày 03/4/2023 chị Quảng Thị M nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Chị M có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và được Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 03/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị M theo Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Bản Na S, xã Mường L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên, nên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Ngày 07 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh Lò Văn H. Tuy nhiên, do bận công việc cá nhân anh H không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử ngày hôm nay theo giấy triệu tập của Tòa án được. Ngày 29/6/2023, anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh. Ngoài ra, anh không có ý kiến gì thêm. Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lò Văn H theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

- *Về hôn nhân*: Chị Quàng Thị M và anh Lò Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 cho đến nay, mặc dù các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Nay chị Quàng Thị M làm đơn xin ly hôn, anh H cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị M và anh Quàng Văn H.

- *Về con chung*: Chị Quàng Thị M và anh Lò Văn H có 02 người con chung là cháu Lò Thị B, sinh ngày 18/11/2004 và cháu Lò Thị B, sinh ngày 07/10/2006. Hội đồng xét xử xét thấy đến thời điểm xét xử cháu Lò Thị B, sinh ngày 18/11/2004 đã đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ cho nên Hội đồng xét xử không xem xét việc giao người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Thị B. Còn cháu Lò Thị B đang ở tuổi vị thành niên cần bố mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo nguyện vọng của cháu và căn cứ vào ý kiến của chị M và anh H cho nên cần giao cháu Lò Thị B cho chị Quàng Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung các bên đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Anh Lò Văn H có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

- *Về tài sản chung, riêng và nợ chung, riêng*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án chị Quàng Thị M có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa chị tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí DSTT cho chị, bởi vì, bản thân và gia đình chị là người dân tộc Thái đang cư trú tại bản Na Sản, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị M như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 58; Điều 69; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa: Chị Quàng Thị M và anh Lò Văn H.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Thị B, sinh ngày 07/10/2006 cho chị Quàng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị Quàng Thị M, anh Lò Văn H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

[3] Về Tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Chị Quàng Thị M và anh Lò Văn H không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Quàng Thị M được miễn án phí DSST.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2023). Bị đơn anh Lò Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Giang